

Yếu tố thuộc về chủ thể ảnh hưởng đến thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội

*Nguyễn Thanh Tùng**

**ThS, NCS, Hệ Đào tạo Sau đại học, Học Viện Chính trị - BQP*

Received: 27/06/2023; Accepted: 06/07/2023; Published: 12.7.2023

Abstract: Along with adapting to teaching activities, adapting to scientific research activities of young lecturers in academies, military officer schools are an important requirement for lecturers to quickly respond to the requirements of these activities. military pedagogical profession. Adaptation to scientific research activities is the adjustment and change in awareness, attitudes and actions of lecturers in response to the requirements of scientific research activities themselves. The identification of factors affecting the adaptability to scientific research activities of young lecturers is an important basis for identifying solutions to improve the level of dynamism to adapt to scientific research activities. of young teachers.

Keywords: Adaptation; scientific research, young lecturers, military schools

1. Đặt vấn đề

Thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên (GV) trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội luôn chịu sự tác động, ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau. Các yếu tố có thể tác động, ảnh hưởng theo chiều hướng tích cực, kích thích, thúc đẩy làm cho khả năng, mức độ thích ứng của GV trẻ với hoạt động nghiên cứu khoa học được nâng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của người GV nhà trường quân đội. Tuy nhiên, cũng có thể là sự tác động, ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực, làm cản trở khả năng thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học của GV trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội. Trong nghiên cứu này, chúng tôi phân tích một số yếu tố thuộc về chủ thể ảnh hưởng đến thích ứng với hoạt động NCKH của GV trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội.

2. Một số yếu tố thuộc về chủ thể ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với hoạt động NCKH của GV trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội

2.1. Tổ chất NCKH của GV trẻ

Theo Từ điển Tâm lý học quân sự: “Tổ chất tâm lý là những đặc điểm về giải phẫu - sinh lý của con người, quan trọng nhất là ở các giác quan, bộ máy phân tích, hệ thần kinh trung ương mang tính bẩm sinh, di truyền tạo thành điều kiện tự nhiên cần thiết cho sự phát triển năng lực. Tổ chất tâm lý mang tính bẩm sinh, di truyền. Các đặc điểm này thường biểu lộ ra trong giai đoạn hoạt động đầu tiên của con người. Nhưng đôi khi cũng bộc lộ ở người lớn, khi người đó chưa từng trải qua một hoạt động nhất định có hệ

thống”.

Khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cá nhân, Leonchiev A.N cho rằng: “... quá trình bẩm sinh di truyền chỉ là những điều kiện cần thiết bên trong chủ thể giúp cho cấu tạo tâm lý mới có thể xuất hiện” [3]. Yếu tố bẩm sinh, di truyền đó là tổ chất của con người, trước hết là những đặc điểm, thuộc tính của cơ thể, hệ thần kinh. Yếu tố này phù hợp với một dạng, một lĩnh vực hoạt động nào đó thì được coi là tổ chất - mầm mống đầu tiên của năng lực trong lĩnh vực ấy. Như vậy, yếu tố bẩm sinh, di truyền có vai trò là tiền đề vật chất của sự hình thành phát triển năng lực cá nhân, tuy nhiên, sự khác biệt này không phải chỉ do sự quy định của yếu tố sinh vật, mà là sản phẩm của toàn bộ quá trình phát triển nhân cách. A.N. Leonchiev chỉ rõ “Những năng lực và chức năng hình thành ở con người, trong quá trình ấy là cấu tạo tâm lý mới. Đối với những cấu tạo này, các cơ chế và quá trình bẩm sinh di truyền chỉ là những điều kiện cần thiết bên trong (chủ thể) giúp cho cấu tạo tâm lý mới có thể xuất hiện [3].

Tổ chất NCKH của GV trẻ được biểu hiện trên một số nội dung cơ bản sau: GV trẻ có sự tò mò, muốn khám phá những vấn đề mới về chuyên môn giảng dạy và kiến thức có liên quan, muốn tìm hiểu tại sao sự vật hiện tượng lại diễn ra như vậy, nguyên lý đằng sau nó và có cách nào để cải tiến hay không;... GV trẻ có tính kiên nhẫn, đây là biểu hiện của tổ chất nhà nghiên cứu, bởi trong hoạt động NCKH không phải lúc nào cũng thành công ngay được, thậm chí còn có thất bại, thời gian nghiên cứu có thể kéo dài, gặp nhiều

khó khăn...; GV trẻ có óc sáng tạo, có khả năng suy nghĩ khác biệt hình dung ra những thứ không thể nhìn thấy được,... bản chất hoạt động NCKH là khám phá ra cái mới, do vậy óc sáng tạo rất quan trọng trong hoạt động này; có tư duy cởi mở và không thiên vị, định kiến, hoạt động NCKH cần linh hoạt và lắng nghe ý kiến, ý tưởng của người khác, không ngăn ngại tiếp thu các ý tưởng, học hỏi lỗi tư duy các các nhà khoa học khác; có tư duy phản biện, đây cũng là biểu hiện rõ nét thể hiện người giảng viên có tố chất NCKH, bởi NCKH cần phân tích thông tin và đưa ra các quyết định quan trọng để giải quyết vấn đề thực nghiệm hoặc lý thuyết, theo đó tư duy phản biện sẽ giúp GV liên tục cân nhắc, giải quyết mọi vấn đề trong khả năng một cách hiệu quả; Có nhu cầu học liên tục các kiến thức, kỹ năng mới, bởi để tìm ra cái mới trong nghiên cứu, GV cần phải luôn tiếp thu, tư duy và chấp nhận thực tế là rất nhiều thứ đã và đang tiếp tục thay đổi, càng mở rộng kho kiến thức và đi sâu và nghiên cứu thì càng có cơ hội thành công.

2.2. Động cơ NCKH của GV trẻ

Động cơ NCKH là những động lực thúc đẩy, định hướng GV trẻ thực hiện tốt các hoạt động của quá trình nghiên cứu nhằm thỏa mãn nhu cầu NCKH của bản thân. Động cơ NCKH được xuất phát từ chính nhu cầu NCKH, từ sự hiểu biết sâu sắc giá trị, vai trò và mối quan hệ giữa hoạt động NCKH và hoạt động giảng dạy của GVn, nó được hình thành, củng cố và phát triển trong quá trình hoạt động nghề nghiệp sư phạm. Động cơ NCKH là sự phản ánh, cụ thể hóa nhu cầu NCKH dưới dạng đối tượng định hướng cho hoạt động NCKH. Động cơ NCKH của GV trẻ là sự thể hiện của nhu cầu mong muốn được nghiên cứu, khám phá tri thức, được hoàn thiện, phát triển, tiến bộ, trưởng thành, mong muốn nắm vững và làm chủ tri thức khoa học, muốn có những hiểu biết sâu về kiến thức chuyên môn nghề nghiệp; ngoài ra động cơ NCKH còn thể hiện của các nhu cầu mang tính chất riêng tư của cá nhân mỗi GV. Động cơ NCKH khi đã được hình thành sẽ trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy GV trẻ tiến hành các hoạt động nghiên cứu một cách tích cực để chiếm lĩnh đối tượng. Vì vậy, khi GV trẻ có động cơ NCKH đúng đắn sẽ thôi thúc họ tích cực, say mê, vượt khó trong NCKH, quá trình này sẽ đẩy nhanh sự thích ứng với hoạt động NCKH của GV trẻ. Ngược lại, nếu GV trẻ tiến hành hoạt động NCKH với động cơ thúc đẩy không phù hợp sẽ khó khăn cho quá trình thích ứng và nâng cao năng lực NC KH của bản thân.

2.3. Năng lực chuyên môn của GV trẻ

Năng lực chuyên môn là những kiến thức, hiểu

biết, kỹ năng,... thuộc lĩnh vực chuyên môn mang tính đặc thù cho vị trí công việc hoặc bộ phận mà cá nhân cần có để có thể đảm nhận công việc đó cũng như khả năng hợp tác làm việc với người khác một cách hiệu quả. Năng lực chuyên môn của GV trẻ được hiểu bao gồm kiến thức chuyên môn và kỹ năng chuyên môn, cả hai thành phần này có quan hệ chặt chẽ với nhau, giúp GV trẻ từng bước thích ứng với hoạt động sư phạm nói chung, hoạt động NCKH ở các học viện, trường sĩ quan quân đội nói riêng. Nếu GV trẻ có kiến thức chuyên môn tốt về lĩnh vực nghiên cứu nhưng lại thiếu hụt những kỹ năng nghiên cứu cần thiết thì mức độ thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học thấp hơn giảng viên có cả kiến thức chuyên môn và kỹ năng chuyên môn.

Năng lực chuyên môn của giảng viên trẻ được biểu hiện ở sự nắm vững, hiểu sâu hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành, chuyên môn giảng dạy; đồng thời vận dụng thành thạo tri thức đó vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, hình thành hệ thống kỹ xảo, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả cao trong hoạt động nghề nghiệp; trình độ chuyên môn cao giúp giảng viên trẻ có thể giải quyết các nhiệm vụ mới, phức tạp trong khoa học chuyên ngành, là điều kiện thuận lợi để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, khẳng định vị trí, uy tín nghề nghiệp bản thân. Đồng thời, năng lực chuyên môn cao là yếu tố quan trọng giúp giảng viên trẻ đẩy nhanh sự thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học ở các học viện, trường sĩ quan quân đội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

2.4. Kỹ năng nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ

Hoạt động nghiên cứu khoa học là một dạng hoạt động đặc biệt, hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Chính hoạt động sáng tạo này đòi hỏi các chủ thể nghiên cứu phải có sự thành thạo về những kỹ năng nghiên cứu khoa học cơ bản. Kỹ năng nghiên cứu khoa học bao gồm tổng hợp những cách thức, phương pháp nghiên cứu, với nhiều mức độ phức tạp mà chủ thể nghiên cứu khoa học phải thực hiện một cách thành thạo. Hệ thống kỹ năng nghiên cứu khoa học được chia thành ba nhóm cơ bản: Nhóm kỹ năng nắm vững lý luận khoa học và phương pháp luận nghiên cứu; nhóm kỹ năng sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu cụ thể; nhóm kỹ năng sử dụng kỹ thuật nghiên cứu.

Kỹ năng nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở

các học viện, trường sĩ quan quân đội là sự vận dụng thành thạo những tri thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn vào giải quyết đúng đắn những vấn đề lý luận và thực tiễn, nhằm nghiên cứu thành công các công trình, sản phẩm khoa học theo yêu cầu nhiệm vụ của nghề nghiệp sư phạm ở nhà trường quân đội. Kỹ năng nghiên cứu khoa học là một thành tố quan trọng của năng lực nghiên cứu khoa học, cùng với hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp khác hợp thành năng lực sư phạm của người giảng viên. Kỹ năng nghiên cứu khoa học có mối quan hệ hữu cơ với kỹ năng dạy học và giáo dục của giảng viên. Mức độ thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học không chỉ trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học mà còn tạo ra cơ sở để phát triển và củng cố hệ thống kỹ năng dạy học và giáo dục qua đó nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục của giảng viên.

Từ vai trò quan trọng của kỹ năng nghiên cứu khoa học, tác động trực tiếp đến toàn bộ các khâu, các bước của quá trình nghiên cứu. Theo đó, kỹ năng nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ chắc chắn cũng sẽ tác động đến khả năng, mức độ thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học của họ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội. Nếu giảng viên trẻ sớm có hệ thống kỹ năng nghiên cứu sẽ là điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh quá trình thích ứng với hoạt động này trên cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành động nghiên cứu, đặc biệt có kỹ năng nghiên cứu sẽ biểu hiện mức độ thích ứng rõ hơn ở mặt hành động nghiên cứu. Ngược lại, nếu giảng viên trẻ thiếu và yếu về kỹ năng nghiên cứu sẽ gặp khó khăn trong quá trình tiếp cận, làm quen và trực tiếp nghiên cứu ở tất cả các khâu, các bước, làm cho giảng viên trẻ khó thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp sư phạm của người giảng viên.

2.5. Ý chí khắc phục khó khăn trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ

Ý chí là sự nỗ lực khắc phục khó khăn của cá nhân để đạt mục đích đã đề ra. Ý chí có vai trò quan trọng trong việc đạt kết quả hoạt động của cá nhân bằng cách huy động cao độ tâm trí, sức lực của bản thân để vượt qua những khó khăn trong việc thực hiện hoạt động của cá nhân, hướng đến đạt mục đích đã đề ra của cá nhân.

Thực tế quá trình thích ứng của con người chính là quá trình cải tổ lại, cấu trúc lại những đặc điểm tâm lý của mình cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của điều kiện mới, môi trường mới. Trong khi, giảng viên trẻ là những người mới bước vào hoạt động

nghề nghiệp, chưa có nhiều sự trải nghiệm thực tiễn trong hoạt động nghiên cứu khoa học nên khó tránh khỏi việc sẽ gặp rất nhiều khó khăn cả về tâm lý và thực tiễn nghiên cứu. Ở những thời điểm đó, giảng viên trẻ rất dễ xuất hiện trạng thái tâm lý chán nản, tự ti, bi quan, không hài lòng với chính mình, thậm chí mất niềm tin vào bản thân... dễ dẫn đến áp lực tâm lý đối với giảng viên trẻ trong thực hiện các hoạt động nghề nghiệp sư phạm, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Chính những điều này sẽ tạo ra khó khăn cho giảng viên trẻ trong việc hình thành, phát triển những phẩm chất tâm lý phù hợp để nhanh chóng thích ứng với với đặc điểm, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học ở nhà trường. Trước những khó khăn, áp lực cả về thể chất và tâm lý, nếu giảng viên trẻ có bản lĩnh, ý chí, nghị lực cao họ sẽ từng bước khắc phục vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ. Ngược lại, nếu ý chí kém dẫn đến bi quan, chán nản, thoái lui,... không hoàn thành nhiệm vụ của người giảng viên.

3. Kết luận

Quá trình thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thuộc về chủ thể và cả những yếu tố khách thể khác. Trong bài viết tác giả đã xác định và phân tích làm rõ một số yếu tố cơ bản thuộc về chủ thể giảng viên trẻ có ảnh hưởng đến thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học của họ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội. Đây là cơ sở quan trọng để xác định các giải pháp tác động nhằm nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Phạm Thị Thu Hiền (2020), “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học của giảng viên trường Đại học Đại Nam”, *Tạp chí Giáo dục*, số 482(Kì 2-7/2020), tr.26-32.
- [2]. Trần Thu Hương (2015), *Thích ứng với hoạt động dạy học của giảng viên trẻ tại các học viện, trường đại học Công an nhân dân*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
- [3]. A.N. Leonchiev (1989), *Hoạt động - Ý thức - Nhân cách*, Nxb Giáo dục, Hà Nội. tr.196.
- [4]. Nguyễn Thị Hồng Nga, Nguyễn Văn Linh (2018), “Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nghiên cứu khoa học của giảng viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 46, tr.46-51.